

Số: 208 /HD-SNV

Tây Ninh, ngày 01 tháng 5 năm 2016

V/v bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và chuyển xếp lương đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Kính gửi:

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các Bộ ngành ban hành 30 thông tư hướng dẫn quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức và hướng dẫn việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, chuyển xếp lương đối với viên chức các ngành như: văn hóa; thể dục thể thao; lưu trữ; giáo dục và đào tạo; tài nguyên và môi trường; y tế; khoa học và công nghệ; nông nghiệp và phát triển nông thôn... (có phụ lục kèm theo).

Để thực hiện việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và chuyển xếp lương đối với viên chức của tỉnh Tây Ninh theo đúng quy định; phù hợp với chức năng nhiệm vụ quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị; từng bước thực hiện bố trí viên chức theo đề án vị trí việc làm, theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; Căn cứ Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, Sở Nội vụ đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị lập phương án bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và chuyển xếp lương đối với viên chức chuyên ngành, cụ thể như sau:

I. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi

- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố;
- Các chi cục, ban trực thuộc sở, ngành có bố trí biên chế viên chức (nếu có).

2. Đối tượng: Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, thành phố.

II. Thẩm quyền bổ nhiệm và chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, hoặc báo cáo, trình Bộ Nội vụ xem xét, quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức hạng I và các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức hạng II, hạng III, hạng IV và các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý.

III. Quy trình thực hiện việc bổ nhiệm và chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp

1. Giám đốc Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp trực thuộc rà soát vị trí việc làm, chức trách hiện đang đảm nhiệm, trình độ chuyên môn và tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với viên chức của đơn vị.

2. Lập hồ sơ phương án bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp tương ứng đối với viên chức của cơ quan gửi Sở Nội vụ thẩm định. Trình tự thực hiện như sau:

a) Thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ phương án bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức của cơ quan. Thành phần gồm:

- Thủ trưởng cơ quan làm Chủ tịch Hội đồng;
- 01 Phó Thủ trưởng cơ quan làm Phó Chủ tịch Hội đồng;
- Lãnh đạo hoặc chuyên viên phụ trách công tác tổ chức cán bộ của cơ quan làm Thư ký Hội đồng.

- Cơ cấu thêm thành viên Hội đồng gồm Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc cơ quan.

b) Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của đơn vị căn cứ các quy định, hướng dẫn lập hồ sơ phương án bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức của cơ quan;

c) Trình thông qua Hội đồng xét duyệt hồ sơ phương án bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức của cơ quan;

d) Công khai kết quả xét duyệt hồ sơ, phương án bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức của cơ quan để toàn bộ viên chức biết; giải quyết những thắc mắc, kiến nghị của viên chức (nếu có);

e) Số lượng hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định gồm 01 bộ đối với viên chức hạng II, hạng III và hạng IV; 02 bộ đối với viên chức hạng I và các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh. Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị;
- Biên bản họp Hội đồng bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức của cơ quan, đơn vị;
- Danh sách viên chức đề nghị bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp (*biểu mẫu kèm theo*).

f) Sau khi có kết quả thẩm định và thống nhất của Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện:

- Phối hợp Sở Nội vụ đề trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức hạng I và các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh theo phân cấp.

- Dự thảo Quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức của ngành, gửi Sở Nội vụ để thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức hạng II, hạng III, hạng IV và các đối tượng thuộc thẩm

quyền quản lý theo phân cấp.

Khi gửi dự thảo quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức gửi Sở Nội vụ, các cơ quan cần gửi kèm: bản sao quyết định lương hiện hưởng; bản sao các văn bằng chuyên môn, chứng chỉ bồi dưỡng ngoại ngữ tin học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo quy định và bản sao các quyết định bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch đối với viên chức giữ ngạch tương đương chuyên viên chính trở lên (bác sỹ cao cấp, bác sỹ chính, giáo viên trung học cao cấp, kỹ sư chính...)

3. Một số nội dung khác

- Trường hợp viên chức đang được phân công làm công tác hành chính văn phòng tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện việc chuyển xếp ngạch như sau:

+ Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức hành chính và Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư: để thực hiện chuyển xếp mã ngạch cho người làm công tác hành chính và công tác văn thư.

+ Căn cứ Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành danh mục các ngạch công chức và các ngạch viên chức: để thực hiện chuyển xếp mã ngạch cho người làm công tác kế toán.

- Đối với những viên chức chuyên ngành chưa có thông tư hướng dẫn bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương hoặc những viên chức không thuộc đối tượng áp dụng của các thông tư đã ban hành: tạm thời vẫn giữ nguyên về ngạch bậc, lương hiện giữ và có báo cáo danh sách riêng gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

- Ngoài các thông tư liên tịch về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đã ban hành, trong thời gian tới nếu có Thông tư mới quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức các ngành còn lại (tư pháp, xây dựng, lao động thương binh và xã hội) thì các cơ quan vẫn thực hiện việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương theo quy định của Thông tư của ngành và hướng dẫn tại văn bản này.

IV. Thời gian thực hiện

Đề nghị Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ vào các thông tư đã ban hành và Hướng dẫn này để triển khai thực hiện việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức của cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nội vụ trước ngày 30/6/2016./.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CCVC.



PHỤ LỤC DANH MỤC

Các thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức
(Kèm theo Hướng dẫn số/HĐ-SNV ngày.../5/2016 của Sở Nội vụ)

TT	Tên Thông tư	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Ghi chú
1	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ	10/2015/TTTLT-BNV-BYT	27/5/2015	
2	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng	11/2015/TTTLT-BNV-BYT	27/5/2015	
3	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	26/2015/TTTLT-BNV-BYT	07/10/2015	
4	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược	27/2015/TTTLT-BNV-BYT	07/10/2015	
5	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số	08/2016/TTLT-BYT-BNV	15/4/2016	
6	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện	02/2015/TTTLT-BVHTTDL-BNV	19/5/2015	
7	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao	13/2014/TTTLT-BVHTTDL-BNV	17/10/2014	
8	Thông tư liên tịch hướng dẫn bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành thể dục thể thao	02/2015/TTTLT-BNV-BVHTTDL	26/6/2015	
9	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non	20/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV	14/9/2015	
10	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập	21/2015/TTTLT-BGD&ĐT-BNV	16/9/2015	
11	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập	23/2015/TTTLT-BGD&ĐT-BNV	16/9/2015	
12	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập	36/2014/TTTLT-BGD&ĐT-BNV	28/11/2014	

TT	Tên Thông tư	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Ghi chú
13	Thông tư liên tịch hướng dẫn bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập	28/2015/TTTLT-BGD&ĐT-BNV	06/11/2015	
14	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Di sản văn hóa	09/2015/TTTLT-BVHTTDL-BNV	11/12/2015	
15	Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh	10/2015/TTTLT-BVHTTDL-BNV	11/12/2015	
16	Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ	13/2014/TT-BNV	31/10/2014	
17	Thông tư Hướng dẫn thời gian tập sự, bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Lưu trữ	08/2015/TT-BNV	28/12/2015	
18	Thông tư Quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT	07/2015/TT-BNV	11/12/2015	
19	Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ	24/2014/TTTLT-BKHHCN-BNV	01/10/2014	
20	Thông tư Hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ	01/2016/TTTLT-BKHHCN-BNV	11/01/2016	
21	Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính	52/2015/TTTLT-BTNMT-BNV	08/12/2015	
22	Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường	53/2015/TTTLT-BTNMT-BNV	08/12/2015	

TT	Tên Thông tư	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Ghi chú
23	Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn	54/2015/TTLT-BTNMT-BNV	08/12/2015	
24	Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn	55/2015/TTLT-BTNMT-BNV	08/12/2015	
25	Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường	56/2015/TTLT-BTNMT-BNV	08/12/2015	
26	Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ	57/2015/TTLT-BTNMT-BNV	08/12/2015	
27	Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật	36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV	20/10/2015	
28	Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y	37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV	20/10/2015	
29	Thông tư liên tịch số ngày 20/10/2015, quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản	38/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV	20/10/2015	
30	Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông	11/2016/TTLT-BTTTT-BNV	07/4/2016	

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỀ NGHỊ BỎ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG VÀO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

(Kèm theo Công văn số:..... ngày. tháng..... năm 2016 của)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Bồi dưỡng CMNV khác	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG							LƯƠNG ĐƯỢC CHUYỂN XẾP					Ghi chú	
									Loại viên chức	Ngạch	Mã số	Hệ số lương	% PC TN VK	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời điểm hưởng lương	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Hệ số lương	% PC TN VK	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Thời gian xét nâng bậc lương lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I Viên chức hạng I																						
1																						
2																						
.....																						
II Viên chức hạng II																						
1																						
2																						
...																						
III Viên chức hạng III																						
1																						
2																						
...																						
IV Viên chức hạng IV																						
1																						
2																						
...																						
V Viên chức hành chính văn phòng																						
1																						
2...																						

Tổng cộng danh sách có: người, trong đó: hạng I người; hạng II: người; hạng III: người; hạng IV: người; viên chức hành chính văn phòng: người.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ngày... tháng.... năm 2016
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)